

Số: 92 /TTr-SNN

Quảng Trị, ngày 03 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công
**Công trình: Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung,
phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và phòng chống cháy rừng
giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Quảng Trị**
Hạng mục: Các tuyến đường lâm nghiệp trên địa bàn huyện Hướng Hóa (đợt 2)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Xây dựng 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và phòng chống cháy rừng giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Quảng Trị

Quyết định số 3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu năm 2020;

Căn cứ Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 30/3/2020 của UBND huyện Hướng Hóa về việc thẩm định nhiệm vụ thiết kế bản vẽ thi công công trình: Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và phòng chống cháy rừng giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Quảng Trị, hạng mục: Các tuyến đường lâm nghiệp trên địa bàn huyện Hướng Hóa (đợt 2).

Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thẩm định và kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị xem xét phê duyệt nhiệm vụ, dự toán khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và phòng chống cháy rừng giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Quảng Trị

2. Tên hạng mục công trình : Các tuyến đường lâm nghiệp trên địa bàn huyện Hướng Hóa (đợt 2)

3. Chủ đầu tư giai đoạn thực hiện công trình: UBND huyện Hướng Hóa

4. Địa điểm xây dựng: xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

5. Dự toán xây dựng (dự kiến đợt 2): 0,70 tỷ đồng

6. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững và nguồn Ngân sách huyện quản lý.

7. Tổ chức lập nhiệm vụ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Ban QLDA đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Hướng Hóa

II. Nội dung thẩm định:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

- Tờ trình; các văn bản pháp lý liên quan;
- Hồ sơ nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công;

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- 22TCN 263:2000 Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 22TCN 220-95 Quy trình khảo sát và tính toán thủy văn;
- TCVN 7025:2002 Đường ô tô lâm nghiệp - yêu cầu thiết kế;
- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - yêu cầu thiết kế;
- Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

3. Nhiệm vụ khảo sát:

3.1. Mục đích khảo sát:

Nhằm cung cấp đầy đủ các số liệu cần thiết về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và các điều kiện khác phục vụ cho việc triển khai lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng hạng mục công trình.

3.2. Phạm vi khảo sát: bao gồm hạng mục công trình tuyến đường lâm nghiệp thuộc xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa với tổng chiều dài tuyến khảo sát (đợt 2) dự kiến 1,35 km. Vị trí tuyến theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 2097/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị.

3.3. Thành phần công tác khảo sát:

3.3.1. Khảo sát địa hình:

a) Cấp địa hình: cấp IV

b) Lưới tọa độ, cao độ:

Hệ tọa độ, cao độ lấy theo hệ tọa độ, cao độ Quốc gia bao gồm:

- Mốc khởi toán: Sử dụng mốc của giai đoạn dự án đầu tư.
- Mốc cao độ: nhằm khống chế cao độ thiết kế gắn với hệ cao độ Quốc gia, đồng thời xác định tim tuyến phục vụ bước thiết kế bản vẽ thi công và bàn giao cho đơn vị thi công sau này. Các mốc được lập theo từng cặp thông hướng với nhau, khoảng cách giữa các mốc cao độ trung bình là 1km/mốc.

- Thủy chuẩn kỹ thuật: khống chế cao độ cho các trạm đo vẽ địa hình, các điểm khoan đào, các điểm cắt dọc tim tuyến công trình.

c) Đo vẽ bản đồ địa hình:

- Đo vẽ bản đồ địa hình tuyến đường: đo theo tuyến công trình, đo rộng từ tìm ra mỗi bên 10m, tổng bề rộng 20m; đo vẽ tỷ lệ 1/1.000 đường đồng mức 1m. Bản đồ địa hình được lập nhằm xác định hướng tuyến, mô tả địa hình, địa vật, phục vụ cho công tác thống kê đền bù, giải phóng mặt bằng, bước thiết kế bản vẽ thi công.

- Đo vẽ bản đồ địa hình công trình trên tuyến: đo theo từng vị trí công trình, phạm vi đo trung bình 50x50m; đo vẽ tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5m.

d) Đo vẽ cắt dọc, cắt ngang:

- Đo vẽ cắt dọc theo tim tuyến công trình với tỷ lệ dài 1/1000, tỷ lệ cao 1/100.

- Đo vẽ cắt ngang tỷ lệ 1/100, độ rộng bằng 1,5b – 2b (b là độ rộng chân mép ngoài của tuyến công trình). Trên đường thẳng, ngoài các cọc chi tiết phản ánh sự thay đổi địa hình, phải cắm đầy đủ các cọc H, cọc Km, cọc giao..., khoảng cách các cọc chi tiết không lớn hơn 10-:-20m đối với địa hình núi khó. Trên đường cong, phải đóng cong tất cả các đỉnh theo quy định của quy trình thiết kế, các cọc chủ yếu trong đường cong bao gồm: tiếp đầu (TĐ), tiếp cuối (TC), phân giác (PG) và các cọc chi tiết trong đường cong với khoảng cách cọc là 20m. Kết hợp các yếu tố trên, chọn bề rộng đo vẽ từ tim ra mỗi bên 7,5m, khoảng cách trung bình giữa các mặt cắt ngang là 15m/mc.

3.3.2. Khảo sát địa chất:

a) Công tác thăm dò địa chất:

- Đối với tuyến đường: với nền đường thông thường, chỉ thực hiện các hố đào địa chất dọc tim tuyến trên nền đường với khoảng cách trung bình 1km/1hố, ưu tiên chọn vị trí hố đào trùng với vị trí có công trình trên tuyến nhằm tận dụng kết quả đánh giá địa chất nền. Chiều sâu hố đào từ 1-:-2m tùy theo sự thay đổi địa chất trong khu vực.

b) Thí nghiệm trong phòng và ngoài trời:

- Tại mỗi hố đào thí nghiệm đất không nguyên dạng 7 chỉ tiêu: 01 mẫu.

- Đối với mỏ vật liệu, thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn: 01 mẫu.

3.3.3. Công tác khác:

a) Khảo sát thủy văn:

- Điều tra, thu thập hồ sơ thủy văn: Lượng mưa ngày, đặc trưng nhiệt độ, độ ẩm, bốc hơi, số giờ nắng...;

- Làm việc với địa phương và các cơ quan hữu quan để kiểm tra, chuẩn hóa các số liệu, tài liệu thu thập được.

b) Điều tra kinh tế, tình hình xã hội:

Điều tra hiện trạng tình hình kinh tế xã hội, thu thập các chỉ tiêu dân sinh, kinh tế. Đánh giá tình hình phát triển kinh tế, dự báo tình hình phát triển trong khu vực để đánh giá tính phù hợp về giải pháp kỹ thuật.

c) Khảo sát mỏ vật liệu xây dựng, bãi thải hữu cơ:

Tiến hành điều tra các mỏ đất, đá, bãi thải nhằm đáp ứng nhu cầu về trữ lượng cũng như chất lượng cho công tác xây dựng công trình.

3.4. Khối lượng công tác khảo sát xây dựng dự kiến: theo bảng sau

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
A	Khảo sát địa hình		
1	Lập mốc cao độ, vận dụng 30% đơn giá đường chuyên cấp II-địa hình cấp IV	mốc	2,000
2	Thủy chuẩn kỹ thuật, địa hình cấp IV	km	1,350
4	Đo vẽ bình đồ trên cạn, tỷ lệ 1/1.000 đường đồng mức 1,0m. Địa hình cấp IV	100ha	0,027
6	Đo vẽ bình đồ trên cạn, tỷ lệ 1/500 đường đồng mức 0,5m. Địa hình cấp IV	ha	0,750

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng
7	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn, địa hình cấp IV	100m	13,500
9	Đo vẽ mặt cắt ngang trên cạn, địa hình cấp IV	100m	13,650
B	Khảo sát địa chất		
1	Đào không chống độ sâu từ 0m đến 2m, cấp đất đá I-III	m3	2,000
2	Thí nghiệm xác định 07 chỉ tiêu cơ lý của mẫu đất không nguyên dạng	mẫu	2,000
3	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn	mẫu	1,000
C	Công tác khác		
1	Công tác điều tra mỏ vật liệu, bãi thải	công	1,000
2	Điều tra thủy văn	công	2,000
3	Điều tra tình hình dân sinh, kinh tế xã hội	công	2,000

4. Nhiệm vụ lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng:

Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng cho hạng mục công trình trên cơ sở thiết kế cơ sở, báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt đảm bảo đầy đủ nội dung, tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

5. Dự toán chi phí khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công trình thẩm định: 107.012.000 đồng.

Trong đó:

- + Chi phí khảo sát xây dựng: 95.130.000 đồng
- + Chi phí thiết kế bản vẽ thi công: 11.882.000 đồng

6. Tiến độ thực hiện: 30 ngày, trong đó: khảo sát 10 ngày, thiết kế 20 ngày.

7. Phương pháp lập dự toán:

- Dự toán khảo sát, chi phí vận chuyển vật tư, vật liệu được lập trên cơ sở định mức, đơn giá hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư 09/2019/TT-BXD và Thông tư 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây Dựng.

- Giá nhân công xác định theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị và Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26-12-2019 của Bộ Xây Dựng; giá ca máy xác định theo Thông tư số 11/2016-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng xác định theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng. Các chi phí khác xác định theo các văn bản quy định khác còn hiệu lực hiện hành.

III. Kết quả thẩm định:

1. Kết quả thẩm định nhiệm vụ khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Nhiệm vụ khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công được lập phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô dự kiến đầu tư xây dựng hạng mục công trình theo nguồn vốn được phân bổ.

- Phạm vi, khối lượng khảo sát cơ bản tuân thủ theo các Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy phạm hiện hành khác có liên quan.

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhiệm vụ: *bổ sung các căn cứ pháp lý, tiêu chuẩn, quy phạm được áp dụng.*

2. Kết quả thẩm định dự toán:

- Khối lượng chủ yếu của dự toán phù hợp với khối lượng được lập trong nhiệm vụ khảo sát;

- Phương pháp lập dự toán khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công phù hợp với thông tư hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của Bộ Xây dựng. Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí khác trong dự toán công trình phù hợp với các quy định hiện hành.

- Dự toán chi phí khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công sau khi thẩm định là: **94.861.000 đồng** (*Bằng chữ: Chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn đồng.*).

Trong đó:

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị đề nghị	Giá trị thẩm định	Tăng, giảm (+/-)
1	Chi phí khảo sát xây dựng	95.130.000	82.979.000	-12.151.000
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	11.882.000	11.882.000	0
	Tổng cộng	107.012.000	94.861.000	-12.151.000

- Nguyên nhân tăng/giảm: *điều chỉnh một số khối lượng trong nhiệm vụ khảo sát, theo tiêu chuẩn hiện hành, điều chỉnh đơn giá, định mức theo quy định mới.*

IV. Kết luận và kiến nghị:

Nhiệm vụ, dự toán khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công hạng mục công trình đảm bảo các nội dung, đủ điều kiện phê duyệt theo quy định hiện hành. Đề nghị UBND huyện Hướng Hóa bố trí đủ nguồn vốn đối ứng địa phương trước khi trình thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công xây dựng hạng mục công trình theo quy mô dự kiến nêu trên.

Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Trị kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị cho bước thiết kế bản vẽ thi công để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- UBND huyện Hướng Hóa;
- Lưu: VT, QLXDCT.

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòe

PHỤ LỤC:
TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Hạng mục: Các tuyến đường lâm nghiệp trên địa bàn huyện Hương Hóa (Đợt 2) thuộc dự án đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và phòng chống cháy rừng giai đoạn 2016 -2020 tỉnh Quảng Trị

Kèm theo Tờ trình số 92 /TTr-SNN ngày 03 / 4 /2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục chi phí	HS	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp		T	VL+NC+M	41.526.180
1	Chi phí vật liệu		VL	Bảng tính	5.142.254
2	Chi phí nhân công		NC	Bảng tính	34.797.580
3	Chi phí máy và thiết bị thi công		M	Bảng tính	1.586.346
II	Chi phí gián tiếp		GT	C+LT+GT_K	27.680.400
1	Chi phí chung	70,0	C	70% x NC	24.358.306
2	Chi phí nhà tạm	6,0	LT	6% x T	2.491.571
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ khảo sát	2,0	G _{TK}	2% x T	830.524
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	6,0	TL	6% x (T+GT)	4.152.395
IV	Chi phí khác phục vụ công tác khảo sát		Cpvks	Cpaks+Cbcks	2.076.309
1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát	2,0	Cpaks	2% x T	830.524
2	Chi báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	3,0	Cbcks	3% x T	1.245.785
	Chi phí khảo sát trước thuế		G	T+GT+TL+Cpvks	75.435.284
V	Thuế giá trị gia tăng	10,0	G _{TGT}	10% * G	7.543.528
A	Chi phí khảo sát sau thuế		G _{KS}	G + G _{TGT}	82.979.000
B	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	1,964	G _{TK}	1,964% * 0,55 tỷ * 1,1	11.882.000
	Tổng cộng (A+B)				94.861.000

(Bảng chữ: Chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi một nghìn đồng.)